



NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGHIÊN CỨU, GIẢNG DẠY VÀ THÔNG TIN KHOA HỌC VỀ DÂN TỘC HỌC

LTS. Trong tiến trình công cuộc Đổi Mới, nền Dân tộc học nước nhà cũng đang có bước chuyển mình nhằm đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và vươn tới hội nhập với Dân tộc học của cộng đồng quốc tế. Thực hiện nhiệm vụ quan trọng ấy, một trong những vấn đề cần đặt ra là làm thế nào để nâng cao chất lượng nghiên cứu, giảng dạy và thông tin khoa học ?

Từ số báo này, chúng tôi sẽ mở chủ đề thảo luận nêu trên, và trước hết phản ánh những ý kiến tâm huyết của các nhà Dân tộc học Việt Nam được trình bày ở hội thảo khoa học trong các năm 2000 và 2001 mà Tạp chí Dân tộc học đã đưa tin. Mở đầu cuộc thảo luận, xin trân trọng giới thiệu ý kiến của GS. TS Phan Hữu Dật - Chủ tịch Hội Dân tộc học Việt Nam. Đầu đề bài viết là của Ban biên tập.

VỀ CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY DÂN TỘC HỌC Ở NƯỚC TA

PHAN HỮU DẬT

I. VAI NÉT VỀ QUÁ TRÌNH RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA DÂN TỘC HỌC Ở NƯỚC TA

Mọi người đều biết, Dân tộc học với tư cách là một khoa học nhân văn ra đời vào giữa thế kỷ XIX, nhằm phục vụ cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Còn ở nước ta, Dân tộc học xuất hiện so với các nước khác trên thế giới thì muộn hơn một thế kỷ - vào những năm 60 của thế kỷ XX. Nó là con đẻ của chế độ mới, ra đời để phục vụ cho sự nghiệp cách mạng của nước ta.

Từ tháng 8 năm 1945 trở về trước là thời kỳ tích lũy cho sự khai sinh nền khoa học non trẻ đó. Thời gian từ 1954, sau chiến thắng Điện Biên Phủ, nửa nước được giải phóng, bắt đầu công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đến những năm 60 khi cơ quan nghiên cứu khoa học là Viện Dân tộc học ra đời (1968); khi cơ quan giảng dạy là Tổ chuyên môn Dân tộc học ở trường Đại học Tổng hợp Hà Nội được thành lập (1967); khi cơ quan ngôn luận của chuyên ngành được

thành lập, như tập san Dân tộc học của Ủy ban Dân tộc Trung ương; khi giáo trình Dân tộc học đại cương đầu tiên của GS.TS Buxughin được giảng dạy cho sinh viên khoa Sử Đại học Tổng hợp Hà Nội, và công tác đào tạo sinh viên chuyên ban Dân tộc học được thực hiện; khi ra đời các ấn phẩm đầu tiên về Dân tộc học như *Các dân tộc thiểu số Việt Nam* của Lã Văn Lô, Nguyễn Hữu Thấu, Mai Văn Trí, Mạc Như Đường (1959), *Các dân tộc nguồn gốc Nam Á ở miền Bắc Việt Nam* của Vương Hoàng Tuyên (1963), *Các dân tộc miền núi Bắc Trung Bộ của Mạc Đường* (1964), *Sự phân bố các dân tộc và cư dân ở miền Bắc Việt Nam* của Vương Hoàng Tuyên (1966), *Sơ bộ giới thiệu các nhóm Tày- Nùng- Thái ở Việt Nam* của Lã Văn Lô, Đặng Nghiêm Vạn (1968); khi ra đời tuyển tập dịch *Dân tộc học là gì* để giới thiệu ngành khoa học mới này trong nhân dân; khi Dân tộc học trở thành một đề tài phổ biến khoa học hấp dẫn trong

các sinh hoạt câu lạc bộ ở Trung ương và địa phương..., thì Dân tộc học với tư cách là một khoa học chính thức ra đời.

Từ khi ra đời đến nay, Dân tộc học Việt Nam đã qua 2 giai đoạn phát triển. Giai đoạn I, từ những năm 60 đến tháng 4/1975. Giai đoạn II là giai đoạn phát triển trên phạm vi cả nước. Giai đoạn II có những đặc điểm so với giai đoạn I như sau:

1. Về tổ chức nghiên cứu

Trong khi ở Trung ương, Viện Dân tộc học tiếp tục mở rộng, thì ở miền Nam mới được giải phóng, bộ phận Dân tộc học, thuộc Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh cũng được thành lập. Nếu trước đây mới có Bảo tàng Văn hoá các dân tộc ở Bắc Thái, thì nay lại có thêm Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam. Về cơ quan ngôn luận ở Giai đoạn II có các tạp chí: Dân tộc học, Tin tức Dân tộc và Miền núi của Thông tấn xã Việt Nam, Dân tộc và Miền núi của Ủy ban Dân tộc và Miền núi, Dân tộc và Thời đại của Hội Dân tộc học Việt Nam, Văn hoá dân tộc của Bộ Văn hoá v.v... Giai đoạn II lại có Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc của Bộ Văn hoá - Thông tin...

Nếu trước đây, các nhà Dân tộc học là hội viên Hội Sử học Việt Nam thì từ nay đã là hội viên Hội Dân tộc học Việt Nam - được thành lập năm 1991 và từ 1998 là thành viên chính thức của Liên hiệp các khoa học Nhân học và Dân tộc học quốc tế.

2. Về giảng dạy và đào tạo

Sau 1975 nhiều trường đại học được thành lập thêm ở Thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Đà Lạt, Buôn Ma Thuột, Bắc Thái v.v... Trong các trường đó, bộ môn Dân tộc học đảm nhiệm giảng dạy Dân tộc học cho sinh viên khoa Sử và sinh viên chuyên ngành Dân tộc học. Ngoài giáo trình cơ sở, một hệ thống

giáo trình chuyên đề đã được xây dựng. Nếu trước đây chỉ có 2 giáo trình cơ sở thì gần đây 3 giáo trình cơ sở hay đại cương đã được biên soạn thêm.

Về công tác đào tạo, nếu trước đây đào tạo bậc phó tiến sĩ chủ yếu là ở các nước XHCN, thì nay trong nước đã vươn lên đảm nhận nhiệm vụ này. Về cấp đào tạo, hiện nay trong nước đã tự đào tạo các cấp: cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ Dân tộc học.

Dân tộc học ngày nay không chỉ được giảng dạy trong các trường thuộc hệ thống giáo dục quốc gia, mà còn được giảng dạy ở Học viện Chính trị Quốc gia, các trường lớp của quân đội, của Bộ Công an, Bộ Văn hoá - Thông tin v.v..., với các hình thức đào tạo đa dạng: chính quy, tại chức, chuyên tu ngắn hạn v.v...

Hợp tác quốc tế được mở rộng: nếu trước đây chủ yếu với các nước XHCN, thì nay với cả thế giới. Nhiều nhà Dân tộc học nước ta tham gia giảng dạy, hội thảo khoa học, nghiên cứu ở nước ngoài. Mặt khác các nhà khoa học và nghiên cứu sinh từ nhiều nước trên thế giới đã đến Việt Nam, nghiên cứu thực địa, hội thảo khoa học, học tập chuyên môn. Các sinh hoạt Thái học cũng như cuộc Hội thảo quốc tế về người Dao ở Việt Nam tổ chức năm 1998 ở Thái Nguyên đã nói lên điều đó.

Nét nổi bật của sự phát triển Dân tộc học Việt Nam thời gian qua là bằng nghiên cứu và giảng dạy đã góp phần tích cực phục vụ nhiệm vụ cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước. Trên cơ sở chương trình nghiên cứu Dân tộc học toàn diện, bằng phương pháp chủ yếu là điền dã Dân tộc học, thời gian qua các nhà Dân tộc học Việt Nam đã vượt qua bao khó khăn gian khổ, kể cả hiểm nguy để nghiên cứu đặc điểm các dân tộc

nước ta, với kết quả đáng khích lệ là đã xây dựng được bản danh mục các dân tộc ở nước ta, dựa trên 3 tiêu chí: ngôn ngữ, văn hoá và ý thức tự giác dân tộc, phục vụ đặc lực cho các cuộc Tổng điều tra dân số các năm 1979, 1989, 1999. Việc nghiên cứu đặc điểm dân tộc đã góp phần tích cực củng cố và phát triển mối quan hệ đoàn kết tương trợ truyền thống tốt đẹp giữa các dân tộc trong thời kỳ lịch sử, các đặc điểm rút ra được từ nghiên cứu Dân tộc học là cơ sở thực tiễn rất quan trọng giúp Đảng và Nhà nước trên cơ sở cứ liệu về lịch sử, văn hoá và con người các dân tộc, hoạch định chính sách và xây dựng các dự án phát triển kinh tế- xã hội ở các vùng dân tộc v.v... Bên cạnh việc nghiên cứu đặc điểm dân tộc, các nhà Dân tộc học Việt Nam còn quan tâm nghiên cứu quá trình tộc người diễn ra ở nước ta từ năm 1945 đến nay. Nếu trước đây, dưới tác động của chính sách chia để trị của phong kiến thực dân, nét chủ đạo của quá trình tộc người là phân ly, thì nay, dưới tác động của chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, nét chủ đạo của quá trình tộc người là cố kết. Các nhà Dân tộc học Việt Nam đã góp phần xây dựng một quá trình tộc người mới mẽ đang diễn ra trên đất nước ta, đó là quá trình hình thành một dân tộc Việt Nam, một quốc tộc - theo ý kiến từ bài viết của cố giáo sư Vương Hoàng Tuyên trước khi qua đời.

Sự phát triển của Dân tộc học Việt Nam trong giai đoạn II được đánh dấu rất rõ nét ở các thành tựu trong nghiên cứu khoa học. Rất nhiều ấn phẩm ra đời, mà nội dung bao gồm hầu hết các mặt của đời sống dân tộc từ lịch sử tộc người, sự phân bố dân cư đến văn hoá sản xuất, văn hoá vật chất, văn hoá xã hội, văn hoá tinh thần, đến vai trò của các dân tộc trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước, và sự biến đổi mọi mặt dưới chế độ mới từ 1945 đến nay, từ thân phận người nô

lệ một nước đến trở thành người làm chủ đất nước, sống trong độc lập tự do.

II. KẾT HỢP GIỮA NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY DÂN TỘC HỌC TRONG THỜI GIAN QUA

Những thành tựu của nền Dân tộc học Việt Nam thời gian qua là do nhiều nguyên nhân, trong đó có sự kết hợp giữa nghiên cứu và giảng dạy. Mối kết hợp này theo tôi nghĩ phải được xét dưới 2 góc độ: trong nội bộ cơ quan nghiên cứu khoa học và trong nội bộ cơ quan đào tạo. Nghĩa là ở viện nghiên cứu hay trường đại học đều có tiến hành song song và đồng thời cả hai nhiệm vụ đó. Việc gắn chặt này hữu cơ đến mức mà ta có thể nói: mỗi cơ quan nghiên cứu và mỗi cơ quan giảng dạy đều có hai chức năng: nghiên cứu và giảng dạy.

Cần nói rằng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp sau khi thành lập một thời gian đã thành lập ngay Vụ Nghiên cứu khoa học và GS. Tạ Quang Bửu, Bộ trưởng đã nhiều lần phát biểu: ở các trường đại học, muốn giảng dạy tốt phải nghiên cứu khoa học tốt.

Lịch sử phát triển bộ môn Dân tộc học ở khoa Sử, Đại học Tổng hợp Hà Nội đã chứng minh một quy luật sau: Nghiên cứu khoa học đến đâu thì giảng dạy đến đấy. Lúc đầu giáo trình Dân tộc học đại cương là do chuyên gia Liên Xô biên soạn và giảng dạy. Về sau do cán bộ ta biên soạn giáo trình Cơ sở dân tộc học và giảng dạy cho sinh viên. Về hệ thống chuyên đề, lúc đầu chính sách dân tộc của Đảng, ta mời chuyên viên trên Uỷ ban Dân tộc Trung ương giảng dạy, về sau do cán bộ Bộ môn Dân tộc học đảm nhiệm. Lúc đầu mới mở các chuyên đề: Các dân tộc Việt-Mường, Tày-Thái, Môn-Khơ me, về sau, nhờ kết quả nghiên cứu thực địa của cán bộ trong Bộ môn mới mở thêm các chuyên đề mới: Các dân tộc thuộc ngôn ngữ Hmông- Dao,

Các dân tộc thuộc ngôn ngữ Tạng-Mianma... Lúc đầu đào tạo bậc cử nhân theo chương trình đào tạo 3 năm, sau lên 4 năm, rồi lên 5 năm, nay trở lại 4 năm. Lúc đầu chỉ đào tạo bậc cử nhân, còn nay do trình độ cán bộ được nâng cao nên đào tạo ở cả 3 cấp cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ. Lúc đầu chỉ đào tạo chuyên gia Việt Nam và Lào, gần đây, nghiên cứu sinh các nước như Hàn Quốc, Thái Lan cũng đến học và bảo vệ luận án thạc sĩ và tiến sĩ Dân tộc học... Lúc đầu chỉ tiến hành nghiên cứu khoa học để giảng dạy, về sau đăng ký đề tài cấp trường, cấp bộ và cấp Nhà nước.

Nhìn sang Viện Dân tộc học ta thấy rằng khi Nhà nước có chủ trương công nhận là một cơ sở đào tạo, Viện Dân tộc học và Viện Khoa học xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh cũng đã thực hiện rất tốt chức năng đào tạo. Nhiều phó tiến sĩ trước đây và tiến sĩ Dân tộc học hiện nay đã bảo vệ luận án thành công ở các cơ quan này.

Dưới góc độ kết hợp giữa hai cơ quan nghiên cứu và giảng dạy, giữa Viện và Trường, ta có thể nói đây là truyền thống tốt đẹp của sự hợp tác. Cán bộ nghiên cứu bên Viện sang tham gia giảng dạy bên Trường: giảng các chuyên đề Dân tộc học, tham gia hướng dẫn sinh viên, nghiên cứu sinh, phản biện luận án các cấp, tham gia Hội đồng bảo vệ luận án cấp Nhà nước. Hơn thế nữa, cán bộ lãnh đạo của Viện Dân tộc học và Viện Văn hoá dân gian hiện nay là giáo sư kiêm nhiệm của Bộ môn Dân tộc học trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội.

Về phần mình, cán bộ của trường Khoa học Xã hội và Nhân văn cũng tham gia đào tạo bậc tiến sĩ ở Viện, giảng dạy chuyên đề, hướng dẫn nghiên cứu sinh, tham gia Hội đồng bảo vệ luận án cấp tiến sĩ. Đối với Viện Khoa học xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh,

cán bộ của trường cũng tham gia công tác đào tạo như vậy.

Về sự kết hợp nghiên cứu giữa cơ quan nghiên cứu và đào tạo, ta cũng thấy biểu hiện đáng mừng là cán bộ Dân tộc học ở hai cơ quan đều có những sinh hoạt khoa học chung; cán bộ bên Trường cũng có người được mời tham gia để thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học bên Viện; có những đoàn đi hội thảo khoa học ở nước ngoài bao gồm cả cán bộ Dân tộc học ở cả hai cơ quan: Viện và Trường...

Tuy nhiên, có thể nhận xét rằng giữa Viện và Trường, sự kết hợp trong giảng dạy là tốt hơn, còn sự kết hợp trong nghiên cứu, thể hiện ở các đề tài, các dự án, thì thời gian tới cần phải phấn đấu để mối quan hệ được chặt chẽ hơn và đạt chất lượng, hiệu quả cao hơn.

3. NÂNG CAO HƠN NỮA CHẤT LƯỢNG NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY DÂN TỘC HỌC

Nước ta hiện nay đang trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá và hiện đại hoá. Thế giới đã bước vào thiên niên kỷ mới, với quá trình toàn cầu hoá được đẩy mạnh, trong bối cảnh chung của sự phát triển như vũ bão của khoa học, kỹ thuật và công nghệ nói riêng là tin học và kinh tế tri thức. Trong tình hình chung như vậy, nền khoa học chung của nước ta và nói riêng là Dân tộc học phải có sự phát triển vượt bậc mới mong phục vụ có kết quả sự nghiệp cách mạng nước ta.

Vấn đề đặt ra là làm thế nào để thực hiện tốt nhất chính sách dân tộc của Đảng trong tình hình mới với 3 nguyên tắc cơ bản: Đoàn kết- Bình đẳng- Tương trợ. Làm thế nào nâng cao được đời sống vật chất, tinh thần của các dân tộc? Làm thế nào thu hẹp, từng bước tiến tới xoá bỏ khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế- xã hội giữa các dân tộc - hậu quả của quy luật phát triển

không đồng đều giữa các dân tộc, đặc biệt là hậu quả của chính sách dân tộc của phong kiến và thực dân?

Nếu ta giải quyết vấn đề dân tộc không tốt thì khoảng cách giữa các dân tộc không những không thu hẹp, mà còn mở rộng hơn nữa, trở thành mảnh đất tốt cho sự thiếu tin cậy lẫn nhau và là kẽ hở cho sự tấn công từ bên ngoài vào, làm mất ổn định xã hội.

Nhìn lại quá trình phát triển của Dân tộc học Việt Nam thời gian qua, có thể nói thành tựu là chủ yếu và to lớn. Nhưng bên cạnh đó, không phải không bộc lộ nhược điểm và hạn chế.

Nói một cách tổng quát, điều đáng lo lắng nhất là chất lượng nghiên cứu và giảng dạy Dân tộc học của ta chưa cao, phải phấn đấu vượt bậc mới có thể đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ mới.

Sự hạn chế về chất lượng nghiên cứu và giảng dạy được thể hiện trên các lĩnh vực sau:

1. Điềm lại các ấn phẩm Dân tộc học Việt Nam trong thời gian qua, ta thấy phần lớn chưa thoát khỏi miêu tả Dân tộc học truyền thống theo chương trình nghiên cứu toàn diện từng dân tộc. Dân tộc học Việt Nam còn thiếu nhiều những công trình có tính tổng kết, có trình độ khái quát cao, nêu những phát hiện mới.

2. Về phương diện phương pháp nghiên cứu, trong khi trung thành với phương pháp đặc thù của ngành khoa học này là điền dã Dân tộc học, mặc dù gần đây giới Dân tộc học nước ta đã có tiếp cận với phương pháp của một số ngành khoa học khác, và mặc dù gần đây đã có sử dụng một số phương tiện kỹ thuật hiện đại để nghiên cứu khoa học, nhưng nói chung phương pháp nghiên cứu của ta còn đơn điệu, công cụ nghiên cứu của

ta còn cũ kỹ, thậm chí lạc hậu. Điều nổi bật là các công trình nghiên cứu của ta còn nặng về định tính, nhẹ về định lượng. Sở dĩ như vậy là ta chậm áp dụng các ngành khoa học tự nhiên, nói riêng là toán học thống kê vào việc nghiên cứu. Các ấn phẩm Dân tộc học của ta còn nghèo nàn về các biểu bảng thống kê để so sánh và minh họa cho những luận điểm khoa học. Phải đẩy mạnh hơn nữa sử dụng liên ngành và phương pháp liên ngành trong nghiên cứu Dân tộc học.

3. Trong một thời gian dài trước 1975, ta không có điều kiện để tiếp xúc với thành tựu khoa học Âu- Mỹ, nên về lý luận cũng như phương pháp không thể chất lọc tiếp thu cái hay của khoa học thế giới để làm giàu cho Dân tộc học của ta. Do đó, việc trích dẫn sách báo nước ngoài, trừ các nước XHCN trong ấn phẩm Dân tộc học của ta khá hạn chế. Mấy chục năm trở lại đây, khoa học Nhân học phát triển rộng rãi trên thế giới, từ Nhân học chính trị, Nhân học ứng dụng..., song chúng ta chưa có những cuộc trao đổi trong giới Dân tộc học để tìm tòi trong đó những yếu tố tích cực phục vụ cho nghiên cứu và giảng dạy. Tôi nghĩ rằng Nhân học không thể thay thế được Dân tộc học. Nhưng nếu Dân tộc học tiếp thu những cái hay về lý luận và phương pháp của Nhân học thì sẽ nâng cao được hơn nữa chất lượng nghiên cứu và giảng dạy.

4. Mặt yếu kém hàng đầu của Dân tộc học nước ta là trình độ kém cỏi về ngoại ngữ, trước đây là kém tiếng Nga, ngày nay càng kém tiếng Anh. Không nói, nghe, đọc, viết thông thạo tiếng Anh thì không thể tiếp cận khoa học Âu- Mỹ; có được đi ra nước ngoài hay mời người nước ngoài vào ta thì cũng chẳng được bao nhiêu, nếu không nói là hình thức.

Một vấn đề nữa là giới Dân tộc học Việt Nam, chuyên gia cũng như nghiên cứu sinh, sinh viên, trừ người dân tộc còn hầu hết không biết tiếng dân tộc, không biết đối tượng mình nghiên cứu. Một khi đã phải thông qua phiên dịch, thì tri thức sẽ rơi rụng, đó là chưa nói độ chính xác không cao, thậm chí có khi sai lệch. Tôi nghĩ, ở đây ta cần rút kinh nghiệm các nước ngoài, hề ai chuyên về dân tộc nào thì cửa ải hàng đầu phải qua được là nắm được tiếng nói của dân tộc đó. Không thể nói chuyên gia về một dân tộc cụ thể mà không nghe và nói, thậm chí đọc được chữ viết của dân tộc đó.

5. Một hạn chế của Dân tộc học Việt Nam thời gian qua và hiện nay là sự hạn hẹp về kinh phí do Nhà nước cấp về nghiên cứu và đào tạo. Dân tộc học đòi hỏi nghiên cứu thực địa. Muốn vậy đối với địa bàn các dân tộc nước ta phải có chi phí lớn. Trước đây sinh viên khoa Sử Đại học Tổng hợp năm thứ 2 sau khi học môn cơ sở Dân tộc học, đều có đi thực địa 2 tuần. Nhiều năm nay do không đủ kinh phí, nên kế hoạch thực tập này phải gác lại. Sinh viên khi tốt nghiệp, hay người làm luận án thạc sĩ, thậm chí tiến sĩ do tiền nong quá hạn hẹp, nên cũng chọn đề tài sao cho thuận lợi, không phải đi xa, tốn kém nhiều tiền của. Trước đây, hàng năm giới Dân tộc học Việt Nam có truyền thống tổ chức thông báo khoa học, hàng chục năm nay do không có kinh phí, trong khi giới Khảo cổ học tiếp tục công việc cần thiết này thì ta đành phải gác lại cho tương lai.

Cũng chính vì kinh phí hạn hẹp, nên ở Viện, đặc biệt là ở trường Đại học, không thể mua nhiều sách nghiên cứu, đặc biệt là tạp chí chuyên ngành ở nước ngoài; trong khi ấn phẩm của ta do phần lớn không viết bằng tiếng Anh nên người nước ngoài cũng không đọc được. Đó là chưa nói đến tình trạng là một phần do quan điểm tư tưởng khác nhau,

phần khác do ấn phẩm của ta chưa gây được lòng tin trong giới Dân tộc học nước ngoài, nên người ta cũng chưa thiết tha lắm đến việc tìm đọc. Về phương diện đào tạo, tôi nghĩ đã đến lúc Bộ Giáo dục và Đào tạo cần tách chuyên ngành Dân tộc học thành một ngành có mã số riêng, không nằm chung trong mã số khoa học Lịch sử. Cần sớm xây dựng giáo trình chuẩn cơ sở Dân tộc học và in ấn hệ thống giáo trình chuyên đề.

6. Vấn đề cuối cùng, Dân tộc học Việt Nam đã trải qua chặng đường ra đời và phát triển trên 30 năm. Dù có một số hạn chế nói trên, nhưng là đang tuổi thanh xuân, đầy hứa hẹn. Tôi nghĩ là hiện nay song song với việc phát huy tính ưu điểm, khắc phục nhược điểm để phục vụ tốt sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, cần phải suy nghĩ về sự xây dựng một trường phái Dân tộc học Việt Nam theo quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Về mặt khoa học và thực tiễn, một trong những thành tựu lớn nhất của Dân tộc học Việt Nam thời gian qua là xây dựng được 3 tiêu chí: ngôn ngữ, văn hoá và ý thức tự giác dân tộc để xác minh thành phần dân tộc ở nước ta.

Nếu như trước đây ở nước Nga, trường phái A-nu-sin trong Dân tộc học Nga bao gồm bộ 3: Dân tộc học- Khảo cổ học- Nhân chủng học, thì phải chăng trường phái Dân tộc học Việt Nam sẽ bao gồm bộ 3: Dân tộc học- Ngôn ngữ học- Triết học (Triết học được hiểu ở khía cạnh xác định ý thức tự giác tộc người, và là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong các công trình nghiên cứu (duy vật biện chứng và duy vật lịch sử).

Tôi nghĩ khi một trường phái Dân tộc học Việt Nam ra đời, sẽ là chất xúc tác mạnh mẽ để nâng cao vượt bậc chất lượng nghiên cứu và giảng dạy Dân tộc học ở nước ta.